

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1436/VTSG-KD&CSKH Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 11 năm 2022
V/v Bổ sung giá vé loại chỗ BL, ALv48
tàu khách SE25/26, SPT1/2 Tết 2023

Kính gửi:

- Các đơn vị trực thuộc Công ty CP VTĐS Sài Gòn;
- Các phòng nghiệp vụ Công ty CP VTĐS Sài Gòn;
- Đồng kính gửi:* Công ty CP VTĐS Hà Nội (để phối hợp);
- Công ty CP phần mềm Thăng Long (để phối hợp).

Tiếp theo văn bản số 1289/VTSG-KD&CSKH ngày 13/10/2022 của Công ty CP VTĐS Sài Gòn về việc Giá vé tàu khách Khu đoạn Tết Quý Mão - 2023;

Để phù hợp với kế hoạch chạy tàu, Công ty CP VTĐS Sài Gòn bổ sung giá vé loại chỗ BL, ALv48 vào bảng giá vé tàu khách SE25/26, SPT1/2 từ ngày 09/01/2023 đến ngày 12/02/2023 (có phụ lục kèm theo).

- Các quy định khác thực hiện theo quy định hiện hành còn hiệu lực.
- Văn bản này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Đề nghị các đơn vị và các phòng triển khai nội dung văn bản đến các bộ phận liên quan để thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng Quản trị Công ty (để b/cáo);
- Ban Điều hành, Ban Kiểm soát Công ty;
- Lưu: VT, KD&CSKH.

TỔNG GIÁM ĐỐC *[Chữ ký]*



Thái Văn Truyền

PHỤ LỤC SỐ 01: GIÁ VÉ TÀU KHÁCH SE25

Thực hiện từ 0 giờ ngày 25/01/2023 đến hết ngày 31/01/2023 (Giai đoạn 4)

(Ban hành theo quy định tại văn bản số 1436/VTSG-KD&CSKH ngày 08/11/2022 của Công ty VTSG)

TÊN GA		BL
QUẢNG NGÃI	ĐI	
DỨC PHỐ		53
BÔNG SƠN		117
DIÊU TRÌ		267
TUY HÒA		429
PHÚ HIỆP		450
GIÃ		518
NINH HÒA		589
NHA TRANG		676
THÁP CHÀM		729
BÌNH THUẬN		946
LONG KHÁNH		1,093
BIÊN HÒA		1,143
DĨ AN		1,143
SÀI GÒN		1,143
DỨC PHỐ	ĐI	
BÔNG SƠN		64
DIÊU TRÌ		204
TUY HÒA		366
PHÚ HIỆP		386
GIÃ		454
NINH HÒA		523
NHA TRANG		605
THÁP CHÀM		698
BÌNH THUẬN		884
LONG KHÁNH		1,087
BIÊN HÒA		1,129
DĨ AN		1,129
SÀI GÒN		1,129
BÔNG SƠN	ĐI	
DIÊU TRÌ		112
TUY HÒA		260

PHỤ LỤC SỐ 01: GIÁ VÉ TÀU KHÁCH SE25

Thực hiện từ 0 giờ ngày 25/01/2023 đến hết ngày 31/01/2023 (Giai đoạn 4)

(Ban hành theo quy định tại văn bản số 1436/VTSG-KD&CSKH ngày 08/11/2022 của Công ty VTSG)

TÊN GA		BL
PHÚ HIỆP		280
GIÃ		358
NINH HÒA		417
NHA TRANG		544
THÁP CHÀM		648
BÌNH THUẬN		849
LONG KHÁNH		1,065
BIÊN HÒA		1,096
DĨ AN		1,096
SÀI GÒN		1,096
ĐIỀU TRỊ	ĐI	
TUY HÒA		148
PHÚ HIỆP		166
GIÃ		240
NINH HÒA		293
NHA TRANG		388
THÁP CHÀM		498
BÌNH THUẬN		731
LONG KHÁNH		911
BIÊN HÒA		1,073
DĨ AN		1,073
SÀI GÒN		1,073
TUY HÒA	ĐI	
PHÚ HIỆP		33
GIÃ		101
NINH HÒA		150
NHA TRANG		212
THÁP CHÀM		420
BÌNH THUẬN		655
LONG KHÁNH		903
BIÊN HÒA		1,055
DĨ AN		1,055

PHỤ LỤC SỐ 01: GIÁ VÉ TÀU KHÁCH SE25

Thực hiện từ 0 giờ ngày 25/01/2023 đến hết ngày 31/01/2023 (Giai đoạn 4)

(Ban hành theo quy định tại văn bản số 1436/VTSG-KD&CSKH ngày 08/11/2022 của Công ty VTSG)

TÊN GA		BL
SÀI GÒN		1,055
PHÚ HIỆP		
GIÃ		78
NINH HÒA		127
NHA TRANG		189
THÁP CHÀM		377
BÌNH THUẬN		628
LONG KHÁNH		878
BIÊN HÒA		1,036
DĨ AN		1,036
SÀI GÒN		1,036
GIÃ		
NINH HÒA		49
NHA TRANG		110
THÁP CHÀM		294
BÌNH THUẬN		524
LONG KHÁNH		829
BIÊN HÒA		993
DĨ AN		993
SÀI GÒN		993
NINH HÒA	ĐI	
NHA TRANG		60
THÁP CHÀM		225
BÌNH THUẬN		482
LONG KHÁNH		811
BIÊN HÒA		913
DĨ AN		913
SÀI GÒN		913
NHA TRANG	ĐI	
THÁP CHÀM		165
BÌNH THUẬN		420
LONG KHÁNH		634

PHỤ LỤC SỐ 01: GIÁ VÉ TÀU KHÁCH SE25

Thực hiện từ 0 giờ ngày 25/01/2023 đến hết ngày 31/01/2023 (Giai đoạn 4)

(Ban hành theo quy định tại văn bản số 1436/VTSG-KD&CSKH ngày 08/11/2022 của Công ty VTSG)

TÊN GA		BL
BIÊN HÒA		752
DĨ AN		752
SÀI GÒN		752
THÁP CHÀM	ĐI	
BÌNH THUẬN		233
LONG KHÁNH		404
BIÊN HÒA		719
DĨ AN		719
SÀI GÒN		719
BÌNH THUẬN	ĐI	
LONG KHÁNH		89
BIÊN HÒA		316
DĨ AN		316
SÀI GÒN		316
LONG KHÁNH	ĐI	
BIÊN HÒA		92
DĨ AN		108
SÀI GÒN		141
BIÊN HÒA	ĐI	
DĨ AN		33
SÀI GÒN		42
DĨ AN	ĐI	
SÀI GÒN		33

PHỤ LỤC SỐ 02: GIÁ VÉ TÀU KHÁCH SE26

Thực hiện từ 0 giờ ngày 13/01/2023 đến hết ngày 20/01/2023 (Giai đoạn 2)

(Ban hành theo quy định tại văn bản số 1436/VTSG-KD&CSKH ngày 08/11/2022 của Công ty VTSG)

TÊN GA		BL
SÀI GÒN	ĐI	
DĨ AN		33
BIÊN HÒA		42
LONG KHÁNH		141
BÌNH THUẬN		316
THÁP CHÀM		719
NHA TRANG		752
NINH HÒA		913
GIÃ		993
PHÚ HIỆP		1,036
TUY HÒA		1,055
DIÊU TRÌ		1,073
BÔNG SƠN		1,096
ĐỨC PHỐ		1,129
QUẢNG NGÃI		1,143
DĨ AN	ĐI	
BIÊN HÒA		33
LONG KHÁNH		108
BÌNH THUẬN		316
THÁP CHÀM		719
NHA TRANG		752
NINH HÒA		913
GIÃ		993
PHÚ HIỆP		1,036
TUY HÒA		1,055
DIÊU TRÌ		1,073
BÔNG SƠN		1,096
ĐỨC PHỐ		1,129
QUẢNG NGÃI		1,143
BIÊN HÒA	ĐI	
LONG KHÁNH		92
BÌNH THUẬN		316

PHỤ LỤC SỐ 02: GIÁ VÉ TÀU KHÁCH SE26

Thực hiện từ 0 giờ ngày 13/01/2023 đến hết ngày 20/01/2023 (Giai đoạn 2)

(Ban hành theo quy định tại văn bản số 1436/VTSG-KD&CSKH ngày 08/11/2022 của Công ty VTSG)

TÊN GA		BL
THÁP CHÀM		719
NHA TRANG		752
NINH HÒA		913
GIÃ		993
PHÚ HIỆP		1,036
TUY HÒA		1,055
DIÊU TRÌ		1,073
BÔNG SƠN		1,096
ĐỨC PHỐ		1,129
QUẢNG NGÃI		1,143
LONG KHÁNH	ĐI	
BÌNH THUẬN		89
THÁP CHÀM		404
NHA TRANG		634
NINH HÒA		811
GIÃ		829
PHÚ HIỆP		878
TUY HÒA		903
DIÊU TRÌ		911
BÔNG SƠN		1,065
ĐỨC PHỐ		1,087
QUẢNG NGÃI		1,093
BÌNH THUẬN	ĐI	
THÁP CHÀM		233
NHA TRANG		420
NINH HÒA		482
GIÃ		524
PHÚ HIỆP		628
TUY HÒA		655
DIÊU TRÌ		731
BÔNG SƠN		849
ĐỨC PHỐ		884

PHỤ LỤC SỐ 02: GIÁ VÉ TÀU KHÁCH SE26

Thực hiện từ 0 giờ ngày 13/01/2023 đến hết ngày 20/01/2023 (Giai đoạn 2)

(Ban hành theo quy định tại văn bản số 1436/VTSG-KD&CSKH ngày 08/11/2022 của Công ty VTSG)

TÊN GA		BL
QUẢNG NGÃI		946
THÁP CHÀM	ĐI	
NHA TRANG		165
NINH HÒA		225
GIÃ		294
PHÚ HIỆP		377
TUY HÒA		420
DIÊU TRÌ		498
BÔNG SƠN		648
ĐỨC PHỐ		698
QUẢNG NGÃI		729
NHA TRANG	ĐI	
NINH HÒA		60
GIÃ		110
PHÚ HIỆP		189
TUY HÒA		212
DIÊU TRÌ		388
BÔNG SƠN		544
ĐỨC PHỐ		605
QUẢNG NGÃI		676
NINH HÒA	ĐI	
GIÃ		49
PHÚ HIỆP		127
TUY HÒA		150
DIÊU TRÌ		293
BÔNG SƠN		417
ĐỨC PHỐ		523
QUẢNG NGÃI		589
GIÃ	ĐI	
PHÚ HIỆP		78
TUY HÒA		101
DIÊU TRÌ		240

PHỤ LỤC SỐ 02: GIÁ VÉ TÀU KHÁCH SE26

Thực hiện từ 0 giờ ngày 13/01/2023 đến hết ngày 20/01/2023 (Giai đoạn 2)

(Ban hành theo quy định tại văn bản số 1436/VTSG-KD&CSKH ngày 08/11/2022 của Công ty VTSG)

TÊN GA		BL
BÔNG SƠN		358
ĐỨC PHỐ		454
QUẢNG NGÃI		518
PHÚ HIỆP	ĐI	
TUY HÒA		33
DIÊU TRÌ		166
BÔNG SƠN		280
ĐỨC PHỐ		386
QUẢNG NGÃI		450
TUY HÒA	ĐI	
DIÊU TRÌ		148
BÔNG SƠN		260
ĐỨC PHỐ		366
QUẢNG NGÃI		429
DIÊU TRÌ	ĐI	
BÔNG SƠN		112
ĐỨC PHỐ		204
QUẢNG NGÃI		267
BÔNG SƠN	ĐI	
ĐỨC PHỐ		64
QUẢNG NGÃI		117
ĐỨC PHỐ	ĐI	
QUẢNG NGÃI		53

PHỤ LỤC SỐ 03: GIÁ VÉ TÀU KHÁCH SPT1

Thực hiện từ 0 giờ ngày 09/01/2023 đến ngày 20/01/2023 (Giai đoạn 1, 2)

(Ban hành theo quy định tại Văn bản số 1436/VTSG-KD&CSKH ngày 08/11/2022 của Công ty VTSG)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/vé

TÊN GA		BL	ALv48
PHAN THIẾT	ĐI		
BÌNH THUẬN		30	30
BIÊN HÒA		97	147
DĨ AN		101	154
SÀI GÒN		104	159
BÌNH THUẬN	ĐI		
BIÊN HÒA		90	138
DĨ AN		94	142
SÀI GÒN		99	150
BIÊN HÒA	ĐI		
DĨ AN		30	30
SÀI GÒN		30	33
DĨ AN	ĐI		
SÀI GÒN		30	30

PHỤ LỤC SỐ 04: GIÁ VÉ TÀU KHÁCH SPT1

Thực hiện từ 0 giờ ngày 21/01/2023 đến hết ngày 31/01/2023 (Giai đoạn 3, 4)

(Ban hành theo quy định tại Văn bản số 1436/VTSG-KD&CSKH ngày 08/11/2022 của Công ty VTSG)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/vé

TÊN GA		BL	ALv48
PHAN THIẾT	ĐI		
BÌNH THUẬN		30	36
BIÊN HÒA		287	413
DĨ AN		290	417
SÀI GÒN		296	426
BÌNH THUẬN	ĐI		
BIÊN HÒA		269	386
DĨ AN		274	395
SÀI GÒN		280	402
BIÊN HÒA	ĐI		
DĨ AN		30	32
SÀI GÒN		42	60
DĨ AN	ĐI		
SÀI GÒN		30	34

PHỤ LỤC SỐ 05: GIÁ VÉ TÀU KHÁCH SPT1

Thực hiện từ 0 giờ ngày 01/02/2023 đến hết ngày 12/02/2023 (Giai đoạn 5)

(Ban hành theo quy định tại Văn bản số 1436/VTSG-KD&CSKH ngày 08/11/2022 của Công ty VTSG)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/vé

TÊN GA		BL	ALv48
PHAN THIẾT	ĐI		
BÌNH THUẬN		30	30
BIÊN HÒA		191	283
DĨ AN		201	299
SÀI GÒN		202	300
BÌNH THUẬN	ĐI		
BIÊN HÒA		178	264
DĨ AN		190	282
SÀI GÒN		191	284
BIÊN HÒA	ĐI		
DĨ AN		30	30
SÀI GÒN		30	41
DĨ AN	ĐI		
SÀI GÒN		30	30

PHỤ LỤC SỐ 06: GIÁ VÉ TÀU KHÁCH SPT2

Thực hiện từ 0 giờ ngày 09/01/2023 đến hết ngày 12/01/2023 (Giai đoạn 1)

(Ban hành theo quy định tại Văn bản số 1436/VTSG-KD&CSKH ngày 08/11/2022 của Công ty VTSG)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/vé

TÊN GA		BL	ALv48
SÀI GÒN	ĐI		
DĨ AN		30	30
BIÊN HÒA		30	41
BÌNH THUẬN		172	284
PHAN THIẾT		182	300
DĨ AN	ĐI		
BIÊN HÒA		30	30
BÌNH THUẬN		171	282
PHAN THIẾT		181	299
BIÊN HÒA	ĐI		
BÌNH THUẬN		160	264
PHAN THIẾT		172	283
BÌNH THUẬN	ĐI		
PHAN THIẾT		30	30

PHỤ LỤC SỐ 07: GIÁ VÉ TÀU KHÁCH SPT2

Thực hiện từ 0 giờ ngày 13/01/2023 đến hết ngày 24/01/2023 (Giai đoạn 2, 3)

(Ban hành theo quy định tại Văn bản số 1436/VTSG-KD&CSKH ngày 08/11/2022 của Công ty VTSG)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/vé

TÊN GA		BL	ALv48
SÀI GÒN	ĐI		
DĨ AN		30	34
BIÊN HÒA		42	60
BÌNH THUẬN		280	402
PHAN THIẾT		296	426
DĨ AN	ĐI		
BIÊN HÒA		30	32
BÌNH THUẬN		274	395
PHAN THIẾT		290	417
BIÊN HÒA	ĐI		
BÌNH THUẬN		269	386
PHAN THIẾT		287	413
BÌNH THUẬN	ĐI		
PHAN THIẾT		30	36

PHỤ LỤC SỐ 08: GIÁ VÉ TÀU KHÁCH SPT2

Thực hiện từ 0 giờ ngày 25/01/2023 đến ngày 12/02/2023 (Giai đoạn 4, 5)

(Ban hành theo quy định tại Văn bản số 1436/VTSG-KD&CSKH ngày 08/11/2022 của Công ty VTSG)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/vé

TÊN GA		BL	ALv48
SÀI GÒN	ĐI		
DĨ AN		30	30
BIÊN HÒA		30	33
BÌNH THUẬN		99	150
PHAN THIẾT		104	159
DĨ AN	ĐI		
BIÊN HÒA		30	30
BÌNH THUẬN		94	142
PHAN THIẾT		101	154
BIÊN HÒA	ĐI		
BÌNH THUẬN		90	138
PHAN THIẾT		97	147
BÌNH THUẬN	ĐI		
PHAN THIẾT		30	30